

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Nguyễn Thu Hà

**SÁNG KIẾN “VÀNH ĐAI, CON ĐƯỜNG”
CỦA TRUNG QUỐC Ở ĐÔNG NAM Á (2013 - 2023)**

Chuyên ngành : Quan hệ quốc tế

Mã số : 9310601.01

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ QUỐC TẾ HỌC

Hà Nội - 2024

**Công trình được hoàn thành
tại Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn**

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. Phạm Quốc Thành

Phản biện 1: PGS, TS Nguyễn Huy Hoàng

Phản biện 2: PGS, TS Cù Chí Lợi

Phản biện 3: PGS, TS Hoàng Hải Hà

**Luận án đã được bảo vệ trước Hội đồng cấp Đại học Quốc gia
chấm luận án tiến sĩ họp tại Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn**

Vào hồi 14 giờ 00 ngày 18 tháng 11 năm 2024

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia Việt Nam**
- Trung tâm Thông tin - Thư viện, Đại học Quốc gia Hà Nội**

MỞ ĐẦU

1. Lí do chọn đề tài

Sáng kiến "Vành đai, Con đường" (Belt and Road Initiative - BRI) là một nỗ lực của Trung Quốc nhằm tăng cường kết nối và hỗ trợ phát triển kinh tế, giao thông, năng lượng và hạ tầng thông tin từ châu Á sang châu Âu. BRI bao gồm ba thành phần chính: Vành đai kinh tế, Con đường Tơ lụa trên đất liền; Con đường Tơ lụa trên biển Thế kỷ 21; và Con đường Tơ lụa Kỹ thuật số. Trong vòng mười năm thực hiện, BRI đã tạo ra nhiều dự án hợp tác và đầu tư lớn, đồng thời gặp phải nhiều thách thức như cạnh tranh, lo ngại về nợ nần và vi phạm chủ quyền. Đối với khu vực Đông Nam Á, BRI đã tạo ra cơ hội và thách thức, đặc biệt là đối với Việt Nam, là một đối tác quan trọng của Trung Quốc trong ASEAN. Việc hiểu đúng về BRI và tác động của nó là quan trọng để đưa ra các đối sách phù hợp. Đó là lí do khoa học và thực tiễn thôi thúc tôi lựa chọn đề tài: ***“Sáng kiến “Vành đai, Con đường” của Trung Quốc ở Đông Nam Á (2013 - 2023)”*** làm đề tài luận án của mình.

2. Mục tiêu nghiên cứu

Luận án làm rõ mục tiêu, nội dung, bản chất, quá trình, thực trạng triển khai BRI; Đánh giá những tác động của BRI đến khu vực Đông Nam Á; Dự báo triển vọng của BRI trong thời gian tới, đề xuất những khuyến nghị cho Việt Nam trong việc tham gia BRI và ứng phó chiến lược với các chính sách chung của Trung Quốc.

3. Nhiệm vụ nghiên cứu

Nhiệm vụ nghiên cứu của luận án bao gồm phân tích cơ sở lý luận và thực tiễn của BRI tại Đông Nam Á. Đồng thời, nghiên cứu sẽ đánh giá vị trí và tầm quan trọng của Đông Nam Á trong Sáng kiến, cùng với thực trạng triển khai từ năm 2013 đến nay và tác động lớn đối với khu vực và các quốc gia, dự báo về triển vọng triển khai của BRI trong tương lai. Cuối

cùng, nghiên cứu làm rõ sự tham gia của Việt Nam và tác động của BRI đến Việt Nam, đồng thời đề xuất khuyến nghị đối sách cho Việt Nam.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là BRI ở Đông Nam Á. Phạm vi thời gian từ năm 2013 (thời điểm đề xuất) đến năm 2023 (thời điểm 10 năm) và hoàn thành luận án. Phạm vi không gian bao gồm toàn bộ khu vực của BRI, với trọng tâm đánh giá tác động đến khu vực Đông Nam Á.

5. Phương pháp nghiên cứu

Luận án sẽ áp dụng phương pháp luận của Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về quan hệ quốc tế. Sử dụng phương pháp phân tích - tổng hợp để hiểu sâu về Sáng kiến "Vành đai, Con đường" của Trung Quốc. Phương pháp lịch sử và logic sẽ giúp theo dõi tiến triển của Sáng kiến. Sử dụng phương pháp so sánh để đánh giá tác động tại Đông Nam Á so với các khu vực khác. Dự báo các diễn biến tiềm tàng và sử dụng ý kiến của chuyên gia để bổ sung nội dung nghiên cứu.

6. Những đóng góp của luận án

Luận án đóng góp bằng cách phân tích tổng quan và sâu sắc về Sáng kiến "Vành đai, Con đường" của Trung Quốc trong 10 năm qua, đồng thời đưa ra các khuyến nghị chính sách cụ thể cho Việt Nam trong việc tham gia và ứng phó với BRI.

7. Kết cấu của luận án

Luận án sẽ bao gồm mở đầu, kết luận, tài liệu tham khảo và 4 chương chính: Chương 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu; Chương 2: Cơ sở lí luận và các nhân tố hình thành BRI; Chương 3: Thực tiễn triển khai BRI và tác động của BRI ở khu vực Đông Nam Á; Chương 4: Dự báo BRI ở Đông Nam Á trong thời gian tới và khuyến nghị chính sách cho Việt Nam.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

1.1. Những công trình nghiên cứu

1.1.1. Các công trình nghiên cứu Sáng kiến “Vành đai, Con đường”

Các công trình này đã cho thấy nguồn gốc hình thành, nội dung, mục tiêu và bản chất BRI

1.1.2. Các công trình nghiên cứu Sáng kiến Vành đai, Con đường ở Đông Nam Á

Các công trình cho thấy tiến độ thực hiện, số liệu và tình hình thực hiện BRI cả về trên bộ, trên biển, trên không và các lĩnh vực khác và tác động của BRI đến Đông Nam Á

1.2. Kết quả tình hình nghiên cứu và những vấn đề luận án tập trung nghiên cứu

1.2.1. Kết quả tình hình nghiên cứu

Từ việc tổng quan bước đầu về tình hình nghiên cứu về Sáng kiến "Vành đai, Con đường", tác giả nhận thấy rằng có một lượng lớn các công trình nghiên cứu phong phú và đa dạng, cho thấy sự quan tâm đặc biệt đối với chủ đề này. Các công trình nghiên cứu này cung cấp một lượng lớn tài liệu khoa học về BRI, từ sách đến các bài báo khoa học được đăng trên tạp chí chuyên ngành. Phương pháp nghiên cứu cũng rất đa dạng, từ phân tích lịch sử đến điều tra xã hội học. Nội dung của các công trình nghiên cứu cũng rất đa dạng và phong phú, bao gồm cả việc nghiên cứu cơ sở hình thành của Sáng kiến và phân tích các tác động của nó đến khu vực và các quốc gia tham gia. Tuy nhiên, mặc dù đã có nhiều công trình nghiên cứu, vẫn còn những khoảng trống cần được điền vào. Đối với Đông Nam Á, cần có một phân tích tổng thể sau 10 năm thực hiện Sáng kiến, đánh giá tác động của BRI đến tất cả các

lĩnh vực. Cần cập nhật thông tin về các thách thức mới mà BRI có thể gặp phải, như các biến động địa chính trị và tình hình toàn cầu. Cuối cùng, cần thực hiện các nghiên cứu dự báo để có cái nhìn về tương lai của BRI và chuẩn bị kế hoạch cho các tình huống có thể xảy ra.

1.2.2. Những vấn đề luận án tập trung nghiên cứu

Luận án tập trung vào việc nghiên cứu về Sáng kiến "Vành đai, Con đường" của Trung Quốc tại khu vực Đông Nam Á, dựa trên những giá trị kế thừa từ các công trình nghiên cứu đã được công bố. Đầu tiên, luận án khảo sát cơ sở lý luận và những nhân tố tác động đến sự hình thành Sáng kiến "Vành đai, Con đường". Thứ hai, luận án làm rõ mục tiêu, phạm vi và nội dung của Trung Quốc khi thực hiện sáng kiến này tại Đông Nam Á. Thứ ba, vị trí và vai trò quan trọng của Đông Nam Á trong Sáng kiến được phân tích một cách chi tiết. Luận án cũng điểm lại thực trạng sau 10 năm thực hiện Sáng kiến, đồng thời đánh giá tác động của nó đến kinh tế, chính trị, văn hoá xã hội, và liên kết ASEAN. Ngoài ra, luận án cũng phân tích những thuận lợi và khó khăn của Trung Quốc khi tiếp tục triển khai Sáng kiến ở Đông Nam Á và đưa ra các kịch bản tương lai. Cuối cùng, luận án làm rõ thực trạng thực hiện BRI tại Việt Nam và đề xuất các khuyến nghị chính sách cho Việt Nam.

Chương 2

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ NHỮNG NHÂN TỐ TÁC ĐỘNG TỚI SỰ HÌNH THÀNH SÁNG KIẾN “VÀNH ĐAI, CON ĐƯỜNG” Ở ĐÔNG NAM Á

2.1. Cơ sở lý luận của việc hình thành Sáng kiến “Vành đai, Con đường”

2.1.1. Chủ nghĩa hiện thực

Các quốc gia thường cạnh tranh và đối đầu nhau để đạt được lợi ích quốc gia và tăng cường quyền lực của mình, trong một hệ thống quốc tế không có một quyền lực trung tâm, mà là một mạng lưới các quốc gia và thực thể không chính phủ.

2.1.2. Chủ nghĩa tự do

Chủ nghĩa tự do tôn trọng và bảo vệ các quyền tự do dân sự cá nhân và quyền sở hữu tư nhân, đồng thời hạn chế sự can thiệp của nhà nước vào các hoạt động của nền kinh tế.

2.1.3. Chủ nghĩa Mác - xít mới

Các quốc gia phát triển đóng vai trò chi phối, trong khi các quốc gia đang phát triển trở thành phụ thuộc. Cấu trúc này được mô tả bằng nhiều cách khác nhau như trung tâm và ngoại vi, quốc gia chi phối và phụ thuộc, hoặc trung tâm và vệ tinh.

2.1.4. Chủ nghĩa kiến tạo

Chủ nghĩa kiến tạo trong lý thuyết quan hệ quốc tế nhấn mạnh vai trò của ý thức và các khái niệm xã hội trong việc xây dựng và biến đổi thực tiễn quốc tế. Khác biệt với các lý thuyết khác, chủ nghĩa này coi trọng yếu tố chủ quan và nhấn mạnh vai trò của nhận thức con người. Ngoài ra, chủ nghĩa kiến tạo nhấn mạnh quan hệ dựa trên giá trị chung và sự hiểu biết lẫn nhau giữa các quốc gia.

2.2. Khung lý thuyết

BRI có thể được phân tích từ các góc độ lý thuyết quan hệ quốc tế như Chủ nghĩa Hiện thực, Chủ nghĩa tự do, Mác-xít mới và Chủ nghĩa kiến tạo để hiểu sâu hơn về mục tiêu, tác động và cách các quốc gia tương tác với BRI. Chủ nghĩa Hiện thực nhấn mạnh vào quyền lực và lợi ích quốc gia, coi BRI như công cụ để mở rộng ảnh hưởng và quyền lực của Trung Quốc. Trong khi đó, chủ nghĩa tự do tập trung vào hợp tác quốc tế và lợi ích chung, xem BRI là cơ hội để tăng cường hợp tác khu vực và toàn cầu. Phân tích của chủ nghĩa Mác-xít mới tập trung vào vai trò của nhà nước trong hướng dẫn sự phát triển, nhìn vào BRI như một phương tiện để tăng cường quyền lực kinh tế và chính trị của Trung Quốc. Trong khi đó, chủ nghĩa kiến tạo tập trung vào vai trò của ý thức và bản sắc trong quan hệ quốc tế, coi BRI là cách Trung Quốc tạo dựng và củng cố bản sắc cường quốc toàn cầu.

2.3. Những nhân tố tác động

2.3.1. Bối cảnh quốc tế và khu vực

Những nhân tố quốc tế chịu tác động lớn đến chính sách của Trung Quốc và đã thúc đẩy việc hình thành BRI bao gồm ba điểm chính. Thứ nhất, cuộc khủng hoảng tài chính năm 2008 đã khiến nền kinh tế toàn cầu gặp khó khăn lớn, tạo điều kiện thuận lợi cho việc ra đời của BRI. Thứ hai, sự bùng nổ của chủ nghĩa dân túy đã gây ra sự bất ổn chính trị và xã hội ở nhiều quốc gia, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của BRI. Cuối cùng, khu vực Châu Á - Thái Bình Dương đang trở thành trung tâm của sự hội nhập quốc tế, và việc kiểm soát khu vực này sẽ ảnh hưởng đến thế giới. Trong bối cảnh này, Trung Quốc muốn tăng cường vị thế của mình, đối mặt với Mỹ và mục tiêu của BRI là một phần của chiến lược đó.

2.3.2. Tình hình trong nước của Trung Quốc sau Đại hội XVIII

Trung Quốc đang đối mặt với nhiều thách thức nội bộ kéo dài, buộc họ phải điều chỉnh chiến lược phát triển để đạt mục tiêu "Giác mộng Trung Hoa". Sự tăng trưởng nóng trong kinh tế, bất cập kinh tế, mâu thuẫn xã hội và môi trường sống đều đang gây áp lực. Các phong trào dân chủ hóa và mâu thuẫn xã hội cũng đang gia tăng, đòi hỏi chính phủ phải giải quyết một cách hiệu quả để duy trì ổn định và quyền lực của Đảng Cộng sản Trung Quốc.

2.3.3. Phong cách lãnh đạo và tầm nhìn cá nhân của chủ tịch Tập Cận Bình

Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình sinh năm 1953 là con trai của cựu phó thủ tướng Tập Trọng Huân, đã phát triển phong cách lãnh đạo quyết đoán và sâu sắc từ bối cảnh gia đình và sự nghiệp chính trị của mình. Tập Cận Bình nổi bật với việc đưa ra "Bốn toàn diện" và Sáng kiến "Vành đai, Con đường" (BRI), thể hiện ảnh hưởng mạnh mẽ đến cải cách và phát triển kinh tế cũng như chính sách đối ngoại của Trung Quốc. Ông đã chứng minh khả năng biến tư duy thành hành động và đối mặt với thách thức quốc tế, phản ánh phong cách lãnh đạo đặc trưng qua sự phát triển của BRI.

2.3.4. Vị trí, vai trò của khu vực Đông Nam Á trong Sáng kiến “Vành đai, Con đường” của Trung Quốc

Khu vực Đông Nam Á là một trung tâm kinh tế và chính trị toàn cầu với 11 quốc gia, được chia thành Đại lục và Đảo. Trung Quốc thông qua Sáng kiến Vành đai, Con đường (BRI) đang phát triển cơ sở hạ tầng trong khu vực này, đặc biệt là đường sắt, đường bộ, và cảng biển, nhằm tiếp cận thị trường mới và thúc đẩy hợp tác kinh tế và quân sự. BRI cũng tăng cường quan hệ và hợp tác kinh tế thông qua việc thúc đẩy quốc tế hoá đồng Nhân dân tệ (NDT) và kết nối con người, đặc biệt là cộng đồng người Hoa và lực lượng người Hoa di cư trong khu vực.

Chương 3

THỰC TIỄN TRIỂN KHAI SÁNG KIẾN VÀNH ĐAI CON ĐƯỜNG VÀ TÁC ĐỘNG CỦA SÁNG KIẾN Ở KHU VỰC ĐÔNG NAM Á 2013-2023)

3.1. Khái quát Sáng kiến “Vành đai, Con đường”

3.1.1. Mục tiêu của Sáng kiến “Vành đai, Con đường”

Mục tiêu kinh tế của sáng kiến bao gồm giải quyết vấn đề năng lực sản xuất dư thừa bằng cách mở rộng thị trường cho hàng hoá và sản phẩm Trung Quốc, tăng cường tiếp cận tài nguyên từ các quốc gia dọc BRI và phát triển khu vực miền Tây để tăng cường an ninh quốc gia. Mục tiêu ngoại giao là khẳng định vị thế của Trung Quốc và mở rộng ảnh hưởng của nó thông qua mạng lưới đối tác kinh tế toàn cầu. Mục tiêu an ninh chiến lược của sáng kiến bao gồm việc xây dựng các căn cứ quân sự ở hải ngoại để đảm bảo an toàn cho tài sản và hoạt động giao thương của Trung Quốc trên biển.

3.1.2. Nội dung của Sáng kiến “Vành đai, Con đường”

BRI với các trọng điểm hợp tác gọi là "ngũ thông", bao gồm chính sách thông thoáng, hợp tác cơ sở hạ tầng, thương mại thông suốt, tiền tệ lưu thông, và lòng dân thông hiểu. Chính sách thông thoáng tập trung vào kết nối chính sách và chia sẻ thông tin. Hợp tác cơ sở hạ tầng đề cao việc tăng cường kết nối và phát triển cơ sở hạ tầng. Thương mại thông suốt nhấn mạnh vào việc loại bỏ các rào cản thương mại và xây dựng thị trường kinh doanh lành mạnh. Tiền tệ lưu thông đặt ra các định chế tài chính mới nhằm tăng cường kết nối và hỗ trợ tài chính. Cuối cùng, lòng dân thông hiểu khuyến khích sự giao lưu văn hóa và các hoạt động dân sự để tạo dựng niềm tin và sự hiểu biết giữa nhân dân Trung Quốc và các quốc gia tham gia BRI.

3.2. Thực tiễn triển khai Sáng kiến “Vành đai, Con đường” ở Đông Nam Á (2013 - 2023)

BRI đã thu hút sự quan tâm của 151 quốc gia, trong đó có 11 quốc gia ở Đông Nam Á.

3.2.1. Kết nối chính sách

Hợp tác Lan Thương - Mekong và các định chế tài chính như AIIB và Quỹ hợp tác đầu tư Trung Quốc - ASEAN đã hỗ trợ phát triển hạ tầng và kinh tế khu vực Đông Nam Á trong khuôn khổ BRI. Diễn đàn Vành đai và Con đường (BRF) thúc đẩy hợp tác kinh tế, phát triển bền vững và giao lưu văn hóa giữa các quốc gia tham gia, với sự tham gia tích cực và ký kết thỏa thuận quan trọng của các nước Đông Nam Á.

3.2.2. Kết nối kết cấu hạ tầng

3.2.2.1 Xây dựng “Vành đai kinh tế Con đường Tơ lụa” trên bộ

Dự án đường sắt: Tuyến đường sắt của BRI ở Đông Nam Á đã có ảnh hưởng lớn đến phát triển kinh tế và hợp tác khu vực. Dự án đường sắt nổi bật nhất là Đường sắt Côn Minh - Singapore, kết nối Trung Quốc với các thành phố lớn ở Đông Nam Á. Ngoài ra, có các dự án khác như Jakarta - Bandung ở Indonesia và Viêng Chăn - Boten ở Lào, tất cả đều đóng vai trò quan trọng trong việc tăng cường kết nối và phát triển kinh tế khu vực.

Dự án kết cấu hạ tầng đường bộ: Các dự án đường bộ mới đã tạo ra một môi trường vận chuyển hiệu quả, cải thiện khả năng giao thương giữa các quốc gia và khu vực. Các dự án này bao gồm cao tốc Phnom Penh - Sihanoukville ở Campuchia và cao tốc Manado - Bitung ở Indonesia. Đây là những dự án quan trọng đối với phát triển kinh tế và kết nối vùng lãnh thổ, giúp giảm thời gian di chuyển và tăng cường vận chuyển hậu cần và hàng hóa.

Các dự án sân bay: Các dự án sân bay ở Đông Nam Á, như sân bay quốc tế Siem Reap và sân bay quốc tế Techo ở Campuchia, thể hiện sự hợp tác chặt chẽ với Trung Quốc trong khuôn khổ BRI, nhằm cải thiện hạ tầng hàng không, thúc đẩy du lịch và phát triển kinh tế khu vực.

Thúc đẩy các dự án năng lượng: Ở khu vực Đông Nam Á, BRI chú trọng đầu tư vào các dự án năng lượng, với tỷ lệ đầu tư cao nhất so với các loại dự án khác. Trung Quốc đang hạn chế dần các dự án mới liên quan đến nhiên liệu hóa thạch và đầu tư vào các dự án năng lượng tái tạo ở các quốc gia như Philippines và Việt Nam, cũng như sản xuất tấm pin mặt trời ở Malaysia và Thái Lan.

3.2.2.2. *Xây dựng “Con đường Tơ lụa trên biển”*

Các dự án cảng biển do BRI triển khai tại Đông Nam Á đã tăng cường giao thương quốc tế, cải thiện vận chuyển hàng hóa và hành khách, và tạo cơ hội phát triển kinh tế. Sự phát triển của các cảng này đi đôi với cải thiện hạ tầng giao thông, kích thích tăng trưởng kinh tế và hội nhập khu vực.. Các dự án nổi bật bao gồm Cảng COSCO tại Singapore, Cảng Kuantan ở Malaysia, Cảng New Priok ở Indonesia và Cảng nước sâu Kyaukpyu ở Myanmar.

3.2.2.3. *Xây dựng “Con đường tơ lụa kỹ thuật số”*

BRI đang tập trung vào việc phát triển "Con đường tơ lụa kỹ thuật số" bao gồm cơ sở hạ tầng viễn thông và các dịch vụ công nghệ thông tin như cáp quang trên biển và đất liền, thương mại điện tử, công nghệ 5G, và các dự án về trí tuệ nhân tạo. Các công ty Trung Quốc đã đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật số trong khu vực, đặc biệt là trong bối cảnh đại dịch COVID-19, khi cơ sở hạ tầng số trở nên quan trọng hơn trong cuộc chiến chống lại dịch bệnh. Hợp tác về khoa học và

công nghệ cũng đang phát triển nhanh chóng trong khu vực, với nhiều dự án nghiên cứu chung và trao đổi công nghệ được triển khai.

3.2.3. Kết nối tiền tệ

Trung Quốc đã thúc đẩy việc sử dụng đồng Nhân dân tệ (RMB) và các thỏa thuận hoán đổi tiền tệ với nhiều quốc gia Đông Nam Á như Campuchia, Lào, Thái Lan, và Malaysia để tăng cường thanh toán và đầu tư trong khu vực. Bên cạnh đó, các định chế tài chính như Ngân hàng Đầu tư Cơ sở hạ tầng Châu Á (AIIB) và Quỹ Hợp tác Đầu tư Trung Quốc - ASEAN đã được thành lập để cung cấp vốn cho các dự án BRI, hỗ trợ phát triển cơ sở hạ tầng. Các nỗ lực này nhằm giúp Trung Quốc giảm sự phụ thuộc vào USD và tăng cường ảnh hưởng của RMB.

3.2.4. Kết nối thương mại

Trung Quốc đã đầu tư mạnh mẽ vào Đông Nam Á qua BRI, tập trung vào hạ tầng giao thông, năng lượng, và kỹ thuật số. Các nước ASEAN hưởng lợi từ việc cải thiện kết nối khu vực và cơ hội kinh tế, dù cũng đối mặt với thách thức về sự phụ thuộc kinh tế. Đầu tư BRI tại ASEAN từ 2015-2019 trung bình 27,9 tỷ USD, giảm xuống 10,8 tỷ USD năm 2021, và tăng lại lên 18,6 tỷ USD năm 2022. Campuchia dẫn đầu với 51 dự án, tiếp theo là Philippines và Indonesia với 49 dự án. BRI đã cải thiện kết nối khu vực, thúc đẩy giao thương, và tạo cơ hội việc làm.

3.2.5. Kết nối nhân dân

3.2.5.1. Xây dựng Học viện Khổng tử

BRI tập trung vào việc tăng cường kết nối con người ở Đông Nam Á thông qua các sáng kiến giáo dục và trao đổi nhân sự. Việc thành lập 35 Học viện Khổng Tử tại các quốc gia ASEAN, cùng với việc cung cấp học

bông "Vành đai, Con đường", phản ánh sự quan tâm của Trung Quốc đối với việc xây dựng mối quan hệ và hiểu biết giữa các cộng đồng. Các hoạt động này không chỉ thể hiện ảnh hưởng văn hóa của Trung Quốc mà còn là một phần của chiến lược đối ngoại "mềm dẻo".

3.2.5.2. Học bổng “Vành đai, Con đường”

Trong đại dịch Covid-19, Trung Quốc đã triển khai "Con đường Tơ lụa y tế" nhằm tăng cường hợp tác y tế quốc tế trong khuôn khổ của BRI. Trong bối cảnh đại dịch, Trung Quốc đã mở rộng "Con đường Tơ lụa y tế" thông qua việc cung cấp khẩu trang và vaccine. Điều này đã giúp Trung Quốc tăng cường hình ảnh và ảnh hưởng của mình trên trường quốc tế, đồng thời thúc đẩy mục tiêu chính trị và chính sách đối ngoại. Qua "Ngoại giao khẩu trang" và "Ngoại giao vaccine", Trung Quốc đã phân phối hàng tỷ khẩu trang và hàng trăm triệu liều vaccine Covid-19 tới các quốc gia trong BRI, đặc biệt là ở Đông Nam Á. Việc này đã giúp Trung Quốc nổi lên như một cường quốc đầy trách nhiệm trong việc chống lại đại dịch và hỗ trợ các quốc gia khác.

3.2.5.3. Thực hiện “ Con đường Tơ lụa y tế” trong đại dịch Covid 19

Trung Quốc đã thúc đẩy "Con đường Tơ lụa y tế" trong khuôn khổ BRI, đặc biệt thông qua "ngoại giao khẩu trang" và "ngoại giao vắc-xin" trong đại dịch COVID-19, phân phối hàng tỷ khẩu trang và hàng trăm triệu liều vắc-xin tới hơn 120 quốc gia. Đến tháng 2 năm 2022, Trung Quốc đã cung cấp hơn 484 triệu liều vắc-xin cho Đông Nam Á, với Indonesia là đối tác lớn nhất. Chính sách này không chỉ giúp giải quyết khủng hoảng y tế toàn cầu mà còn nâng cao hình ảnh và ảnh hưởng của Trung Quốc trên trường quốc tế.

3.2.5.4. Xây dựng mạng lưới liên minh “Con đường Tơ lụa”

Đồng thời, Trung Quốc cũng đã tạo ra mạng lưới liên minh văn hóa và nghệ thuật "Con đường Tơ lụa", bao gồm nhiều tổ chức như Liên đoàn Nhà hát Quốc tế, Mạng lưới Lễ hội Nghệ thuật, và Liên minh Bảo tàng Nghệ thuật Quốc tế. Mục tiêu của những tổ chức này là tăng cường giao lưu văn hóa, hợp tác nghệ thuật, và xây dựng mối quan hệ hữu nghị trên khắp "Con đường Tơ lụa."

3.3. Tác động của Sáng kiến “Vành đai, Con đường” ở Đông Nam Á

3.3.1. Trên phương diện kinh tế

Trung Quốc là nhà đầu tư lớn vào ASEAN qua BRI, thúc đẩy phát triển hạ tầng và kết nối giao thông. Tuy nhiên, sự phụ thuộc kinh tế vào Trung Quốc và các khoản nợ từ BRI đã tạo ra lo ngại về sự lệ thuộc và khủng hoảng nợ cho một số quốc gia ASEAN. Dù mang lại lợi ích kinh tế, các quốc gia ASEAN cần cân nhắc rủi ro và đa dạng hóa quan hệ đối tác để đảm bảo phát triển bền vững.

3.3.2. Trên phương diện chính trị

Quyền kiểm soát của Trung Quốc đối với các cảng biển và vùng đất chiến lược thông qua thỏa thuận xóa nợ đã gây lo ngại về khả năng hình thành căn cứ quân sự hải ngoại. Trung Quốc có thể mở rộng quyền tiếp cận tới các cơ sở quân sự ở châu Á-Thái Bình Dương, bao gồm Campuchia, Indonesia, Myanmar, Pakistan, Singapore, Sri Lanka, và Thái Lan. Mối quan hệ quân sự giữa Trung Quốc và Campuchia thể hiện tiến bộ lớn về hiện diện quân sự ở Đông Nam Á. Sự ảnh hưởng của "Con đường tơ lụa kỹ thuật số" cũng gây lo ngại về quản trị không gian mạng, bảo mật dữ liệu và an ninh quốc gia, với Trung Quốc đề xuất chuẩn mực mới về quản

trị không gian mạng, thúc đẩy sự phụ thuộc vào BRI và thách thức chủ quyền quốc gia.

3.3.3. Trên phương diện văn hóa, xã hội

BRI đã mang lại nhiều lợi ích cho Đông Nam Á, bao gồm việc thúc đẩy trao đổi và hiểu biết văn hóa, khuyến khích du lịch và hợp tác giáo dục, giúp bảo tồn và quảng bá văn hóa địa phương, và cải thiện mạng lưới truyền thông. Tuy nhiên, BRI cũng gặp phải chỉ trích vì những tác động tiêu cực như việc truyền bá tư tưởng của Trung Quốc thông qua văn hóa và giáo dục, nạn tham nhũng trong các dự án, hậu quả môi trường do thiếu điều kiện bảo vệ môi trường, và vấn đề xã hội như lao động Trung Quốc tràn lan và mâu thuẫn giữa người dân với chính quyền. Các dự án BRI đã gây ra thách thức về bảo tồn môi trường, an ninh mạng, và đặt ra câu hỏi về sự ổn định xã hội trong các quốc gia tham gia.

3.3.4. Đối với liên kết, hợp tác ASEAN

Một mặt, BRI đã nâng cao vị thế địa-chính trị của ASEAN bằng cách gia tăng cạnh tranh ảnh hưởng giữa các quốc gia lớn như Mỹ, Nhật Bản, và Ấn Độ trong khu vực, giúp ASEAN có thêm cơ hội thu hút đầu tư và đàm phán vay vốn phát triển cơ sở hạ tầng. Tuy nhiên, BRI cũng dẫn đến sự phân hoá nội bộ trong khối do sự khác biệt về lợi ích quốc gia trong quan hệ với Trung Quốc, làm giảm sự đoàn kết và ảnh hưởng đến tiến trình và mục tiêu chung của Cộng đồng ASEAN. Các thách thức như sự phân biệt trong cách tiếp cận của các nước thành viên với BRI và các quốc gia lớn, cùng với cạnh tranh từ các sáng kiến khu vực khác, đòi hỏi ASEAN phải nỗ lực củng cố vai trò và khẳng định vị thế của mình để duy trì sự thống nhất và tiếp tục đóng vai trò trung tâm trong hợp tác và đối thoại khu vực.

3.4 Phản ứng của quốc tế và các quốc gia Đông Nam Á với BRI

3.4.1. Phản ứng của quốc tế

Phản ứng quốc tế đối với Sáng kiến Vành đai và Con đường (BRI) của Trung Quốc rất đa dạng và phản ánh các quan ngại chiến lược khác nhau. Mỹ và Ấn Độ thể hiện lập trường phản đối mạnh mẽ do lo ngại về sự phụ thuộc kinh tế và chính trị cũng như vấn đề chủ quyền. Trong khi đó, Nga coi BRI là cơ hội củng cố quan hệ chiến lược với Trung Quốc, nhưng vẫn thận trọng về sự phụ thuộc quá mức. EU và các tổ chức quốc tế như Ngân hàng Thế giới và IMF cũng khuyến nghị các nước tham gia BRI duy trì tính minh bạch và bền vững trong các dự án đầu tư.

3.4.2. Phản ứng của các quốc gia Đông Nam Á

Các quốc gia Đông Nam Á có phản ứng khác nhau đối với BRI. Một số nước như Lào và Campuchia hợp tác mạnh mẽ và phụ thuộc nhiều vào BRI. Các quốc gia khác như Malaysia, Indonesia, và Philippines (dưới thời Duterte) hợp tác nhưng vẫn giữ mức độ phụ thuộc nhất định. Thái Lan, Myanmar, và Brunei hợp tác nhưng kiểm soát được sự phụ thuộc. Trong khi đó, Việt Nam và Singapore thận trọng quan sát và đánh giá trước khi tham gia sâu rộng. Dưới thời Tổng thống Marcos, Philippines đã rút khỏi BRI vào năm 2023, cho thấy sự thay đổi trong chính sách. Các quốc gia này điều chỉnh chiến lược dựa trên lợi ích quốc gia và mức độ phụ thuộc vào Trung Quốc.

Chương 4

DỰ BÁO SÁNG KIẾN “VÀNH ĐAI, CON ĐƯỜNG”

Ở ĐÔNG NAM Á VÀ KHUYẾN NGHỊ CHÍNH SÁCH CHO VIỆT NAM

4.1. Đánh giá BRI ở Đông Nam Á

BRI đã được triển khai đầu tiên và mạnh mẽ nhất ở Đông Nam Á. Các dự án hạ tầng như đường sắt, cảng biển đã giúp kết nối khu vực với Trung Quốc và thúc đẩy thương mại. Tuy nhiên, nhiều quốc gia Đông Nam Á đã cân trọng trước ảnh hưởng chính trị của Trung Quốc, như Indonesia và Philippines, chủ động tìm kiếm đối tác khác như Mỹ, Nhật Bản để giữ vững độc lập. Dù vậy, BRI vẫn mang lại lợi ích kinh tế đáng kể, giúp phát triển cơ sở hạ tầng và tăng trưởng kinh tế, trong khi các nước Đông Nam Á cố gắng cân bằng giữa lợi ích kinh tế và những thách thức về chủ quyền và an ninh.

4.2. Dự báo Sáng kiến “Vành đai, Con đường” tại Đông Nam Á thời gian tới

4.2.1. Cơ sở dự báo

4.2.1.1. Những thuận lợi về tiềm lực của Trung Quốc và nhu cầu về hạ tầng của các nước Đông Nam Á

BRI tận dụng tiềm lực tài chính dồi dào và vị thế quốc tế mạnh mẽ của Trung Quốc để thúc đẩy đầu tư vào kết cấu hạ tầng và kết nối toàn cầu, nhận được sự ủng hộ rộng rãi từ nhiều quốc gia, đặc biệt là các nước Đông Nam Á có nhu cầu cao về phát triển hạ tầng. Với lượng dự trữ ngoại tệ lớn, quy mô tài chính khổng lồ và kinh nghiệm phát triển hạ tầng, cùng với vị thế quốc tế và kết nối giao thông như trọng tâm, Trung Quốc đang dẫn dắt trong việc mở rộng và hiện đại hóa mạng lưới giao thông, đồng thời thúc đẩy kết nối kinh tế khu vực. BRI không chỉ nhấn mạnh việc xây dựng hạ tầng vật chất mà còn tập trung vào kết nối thể chế và con người, hướng tới

một cộng đồng chung vận mệnh nhân loại và tạo ra một diễn đàn mới cho hợp tác quốc tế.

4.2.1.2. Những thách thức của bối cảnh quốc tế và nội tại của Trung Quốc

Sau đại dịch COVID-19, nền kinh tế Trung Quốc đối mặt với suy thoái, tốc độ tăng trưởng giảm, và mức nợ tăng cao, dẫn đến sự thắt chặt đầu tư ra nước ngoài và ảnh hưởng đến khả năng duy trì đầu tư vào các dự án kết cấu hạ tầng quy mô lớn của BRI. Cùng với sự biến động của bối cảnh quốc tế, như xung đột Nga - Ukraine, căng thẳng Trung - Mỹ, và sự cạnh tranh chiến lược giữa các cường quốc, Trung Quốc gặp thách thức trong việc triển khai BRI. Các quốc gia tham gia BRI bắt đầu nhận thức về tác động tiêu cực của dự án và tìm kiếm nguồn tài trợ thay thế, như sáng kiến Global Gateway của EU và quỹ ACMECS do Thái Lan khởi xướng. Điều này thể hiện nhu cầu đa dạng hóa đầu tư và phát triển, cũng như những thách thức mà Trung Quốc phải đối mặt trong việc duy trì sự thống trị của BRI trước sự cạnh tranh từ các sáng kiến khác.

4.2.2. Những kịch bản

Kịch Bản 1 - Thành công và tăng trưởng: Thành công và tăng trưởng: BRI trở thành động lực chính cho phát triển hạ tầng và kết nối khu vực, thúc đẩy thương mại và đầu tư nhờ nhu cầu cao và sự hỗ trợ từ chính phủ các quốc gia ASEAN.

Kịch Bản 2 - Thách thức và căng thẳng chính trị: BRI gặp phản đối từ một số quốc gia do lo ngại về chủ quyền và ảnh hưởng chính trị của Trung Quốc, cùng với sự can thiệp của Mỹ và các tranh chấp lãnh thổ ở Biển Đông

Kịch Bản 3 - Phát triển bền vững và chú trọng phát triển xanh: BRI chuyển hướng tập trung vào phát triển bền vững và thân thiện với môi

trường, thực hiện các dự án sử dụng năng lượng tái tạo, giảm thiểu tác động môi trường và đáp ứng nhu cầu năng lượng bền vững.

4.3. Một số khuyến nghị chính sách đối với Việt Nam

4.3.1. Vị trí của Việt Nam trong Sáng kiến “Vành đai, Con đường”

Việt Nam giữ một vị trí chiến lược quan trọng trong BRI do vị trí địa lý là cầu nối giữa Trung Quốc và Đông Nam Á, khả năng kết nối hạ tầng mạnh mẽ, và ảnh hưởng ngày càng tăng trên trường quốc tế. Việt Nam, với đường bờ biển dài trên Biển Đông, không chỉ tăng cường vận tải hàng hải mà còn là điểm kết nối với các quốc gia không có lợi thế về vận tải biển như Lào, Campuchia và Myanmar. Sự hội nhập kinh tế toàn cầu thông qua các hiệp định FTA và vai trò quốc tế của Việt Nam như là Ủy viên Không thường trực của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc, cùng mối quan hệ tốt với các đối thủ thương mại lớn của Trung Quốc, tăng thêm giá trị của Việt Nam trong BRI. Dù có tranh chấp chủ quyền, Việt Nam và Trung Quốc duy trì hợp tác, làm nổi bật vai trò của Việt Nam như một minh chứng cho khả năng hợp tác và kết nối trong BRI.

4.3.2. Thực trạng triển khai BRI ở Việt Nam

Việt Nam và Trung Quốc đã ký nhiều thỏa thuận hợp tác trong khuôn khổ BRI, bao gồm Bản ghi nhớ về Thúc đẩy Hợp tác năng lực sản xuất vào năm 2015 và Bản ghi nhớ cấp Chính phủ về thúc đẩy kết nối "Hai hành lang, Một vành đai" với BRI vào năm 2017. Các lĩnh vực hợp tác bao gồm công nghiệp cơ bản, dệt may, da giày, ô tô, máy móc thiết bị, vật liệu xây dựng, chế biến nâng cao giá trị nông lâm thủy sản và hỗ trợ doanh nghiệp bản địa. Việt Nam ủng hộ BRI và tham gia các diễn đàn do Trung Quốc tổ chức, tuy nhiên cũng thận trọng với việc tham gia vào dự án và tiếp nhận đầu tư. Đến năm 2023, Việt Nam đã thu hút 25 dự án BRI “được đặt tên

lại” tập trung vào công nghệ, viễn thông, thương mại điện tử và năng lượng. Các dự án này góp phần vào sự phát triển kinh tế-xã hội của Việt Nam nhưng cũng đặt ra thách thức về quản lý nguồn vốn và sự phụ thuộc kinh tế.

4.3.3. Tác động đến Việt Nam

4.3.3.1. Tác động tích cực

Tác động tích cực của BRI tới Việt Nam bao gồm việc cải thiện kết nối giao thông với Trung Quốc và các nước ASEAN, thúc đẩy hợp tác và hiểu biết giữa hai nước thông qua tăng cường giao lưu và hợp tác ở các cấp độ. BRI cung cấp cơ hội cho Việt Nam trong việc thu hút nguồn vốn phát triển hạ tầng từ các định chế tài chính do Trung Quốc sáng lập, cải thiện mạng lưới đường sắt và đường bộ, và phát triển hạ tầng cảng biển và hàng không. Ngoài ra, BRI giúp tăng cường thương mại và tiềm năng du lịch, đồng thời thúc đẩy Việt Nam nâng cao hệ thống hạ tầng cơ sở và khai thác cơ hội trong các lĩnh vực thương mại, du lịch, và phát triển kinh tế.

4.3.3.2 Tác động tiêu cực

Tác động tiêu cực của BRI tới Việt Nam bao gồm thách thức về bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, làm giảm ưu thế cạnh tranh của Việt Nam như vị thế “cầu nối” Trung Quốc - ASEAN, tăng nguy cơ phụ thuộc kinh tế vào Trung Quốc, và vấn đề chất lượng của các dự án cơ sở hạ tầng do Trung Quốc đầu tư. Các hoạt động của Trung Quốc qua BRI như khai quật khảo cổ tại Hoàng Sa, tổ chức tour du lịch tới các đảo ở Biển Đông, và việc Trung Quốc trở thành nhà đầu tư lớn tại các nước láng giềng của Việt Nam đều đặt ra thách thức cho chủ quyền và an ninh quốc gia của Việt Nam. Bên cạnh đó, các dự án đầu tư của Trung Quốc có nguy cơ khiến Việt Nam phụ thuộc vào công nghệ lạc hậu, tạo ra sức

ép cạnh tranh đối với các ngành kinh tế và gây ra tác động tiêu cực về môi trường.

4.3.4. Khuyến nghị chính sách cho Việt Nam

Việt Nam cần áp dụng nguyên tắc và chủ trương cẩn trọng trong việc tham gia Sáng kiến Vành đai và Con đường (BRI) để bảo vệ lợi ích quốc gia, trong đó bao gồm việc hợp tác trên cơ sở bảo đảm độc lập, chủ quyền, và toàn vẹn lãnh thổ. Cần thực hiện tiếp cận linh hoạt và khéo léo trong hợp tác, đồng thời tăng cường hợp tác đa phương, nhất là với các nước ASEAN và các cường quốc khác, để tận dụng tối đa lợi ích từ BRI mà không làm ảnh hưởng đến an ninh và lợi ích quốc gia. Việt Nam cũng cần sử dụng hiệu quả vốn vay của Trung Quốc, tối ưu hóa lợi ích thương mại, tăng cường kết nối hạ tầng, và mở rộng giao lưu nhân dân giữa hai quốc gia. Cuối cùng, cần có chính sách đánh giá, nghiên cứu kỹ lưỡng về BRI để đảm bảo quyết định tham gia dựa trên cơ sở vững chắc và lợi ích dài hạn của Việt Nam.

KẾT LUẬN

Nghiên cứu Sáng kiến “Vành đai, Con đường” của Trung Quốc ở Đông Nam Á (2013-2023) đã cho thấy được nội dung, thực trạng, mục tiêu cũng như tác động của BRI đến khu vực. Luận án được tổng kết thành những kết luận chính như sau:

1 - Sáng kiến “Vành đai, Con đường” của Trung Quốc ở Đông Nam Á (2013-2023) được phát triển dựa trên những trường phái lý thuyết điển hình là chủ nghĩa tự do, chủ nghĩa hiện thực, chủ nghĩa Mác-xít mới và Chủ nghĩa Kiến tạo. Theo chủ nghĩa tự do, BRI nhấn mạnh vào sự phụ thuộc lẫn nhau và hợp tác quốc tế, khuyến khích các quốc gia Đông Nam Á tham gia để thúc đẩy thương mại và đầu tư, cùng với sự phát triển kinh

tế và cơ sở hạ tầng qua các khoản đầu tư và vay mượn lớn. Từ góc độ của chủ nghĩa hiện thực, BRI được coi là công cụ để Trung Quốc mở rộng ảnh hưởng và củng cố quyền lực mềm, cạnh tranh với các cường quốc khác trong khu vực và kiểm soát các tuyến đường thương mại quan trọng. Trong khi đó, qua lăng kính của chủ nghĩa Mác-xít mới, BRI được xem như một phương tiện để Trung Quốc xuất khẩu mô hình phát triển của mình, thúc đẩy các mối quan hệ dựa trên nguyên tắc chia sẻ lợi ích và hỗ trợ lẫn nhau. Cuối cùng, theo chủ nghĩa kiến tạo, BRI thể hiện vai trò của đối thoại và hợp tác khu vực, cũng như sự tham gia của các quốc gia trong việc xây dựng và thực hiện các dự án. BRI không chỉ giúp Trung Quốc tăng cường sự hiện diện kinh tế và chiến lược ở Đông Nam Á mà còn hỗ trợ trong việc xây dựng một hệ thống quan hệ quốc tế mới, trong đó các quốc gia ngày càng phụ thuộc hơn vào Trung Quốc thông qua các dự án của Sáng kiến.

2 - Đông Nam Á chiếm một vị trí quan trọng trong Sáng kiến Vành đai, Con đường của Trung Quốc - khu vực kết nối với các thị trường chính như Châu Âu và Châu Phi thông qua các hành lang kinh tế. Đông Nam Á không chỉ quan trọng trong giao thương quốc tế nhờ vị trí địa lý giữa các cường quốc lớn và các tuyến đường biển thiết yếu mà còn là trọng tâm trong chiến lược "Nam tiến" của Trung Quốc, nhằm củng cố quan hệ kinh tế và tăng cường ảnh hưởng tại ASEAN. Các dự án cơ sở hạ tầng lớn không chỉ hỗ trợ mục tiêu kinh tế mà còn có tiềm năng phục vụ mục đích quân sự, phản ánh tham vọng của Trung Quốc nhằm trở thành cường quốc hải dương. Đông Nam Á cũng đóng vai trò quan trọng trong việc quốc tế hóa đồng Nhân dân tệ, nhờ mối quan hệ thương mại mạnh mẽ và cộng đồng người Hoa đông đảo, ảnh hưởng sâu rộng đến kinh tế và văn hóa khu vực.

3 - Mục tiêu của BRI là một chiến lược đa chiều nhằm tăng cường ảnh hưởng và vị thế quốc tế của Trung Quốc thông qua các mục tiêu kinh tế, tài chính, ngoại giao và an ninh. Về kinh tế, BRI giải quyết năng lực sản xuất dư thừa của Trung Quốc bằng cách mở rộng thị trường và tăng cường khả năng tiếp cận nguồn tài nguyên toàn cầu, đồng thời phát triển kinh tế miền Tây Trung Quốc để tăng lợi ích chiến lược. BRI cũng nhằm tăng cường ảnh hưởng của Trung Quốc trong lĩnh vực tài chính toàn cầu, kiểm soát trung tâm vận chuyển và định giá hàng hải. Về ngoại giao, BRI là công cụ để Trung Quốc thực thi chiến lược "chủ động nước lớn", tái định hình mối quan hệ quốc tế và mở rộng hợp tác quốc tế. Về an ninh, BRI bao gồm phát triển căn cứ quân sự ở nước ngoài, đảm bảo an toàn cho tài sản và hoạt động giao thương của Trung Quốc. Tổng thể, BRI không chỉ là một dự án kinh tế mà còn là một phần của chiến lược toàn cầu rộng lớn của Trung Quốc.

4 - Qua một thập kỷ thực hiện BRI ở Đông Nam Á (2013-2023), BRI đã đã đạt được nhiều thành tựu đáng kể trong việc phát triển kết cấu hạ tầng và mở rộng mạng lưới kinh tế tại Đông Nam Á. Trong lĩnh vực giao thông vận tải, các dự án đường sắt chính như Côn Minh - Singapore và Jakarta - Bandung không chỉ cải thiện kết nối khu vực mà còn thúc đẩy giao thương và du lịch. Điển hình, tuyến đường sắt Viên Chăn - Boten đã giúp rút ngắn đáng kể thời gian di chuyển, tăng cường mậu dịch và phát triển kinh tế tại Lào và Trung Quốc. Các dự án đường bộ như cao tốc Phnom Penh - Sihanoukville và cao tốc Manado - Bitung cũng đóng góp vào việc cải thiện hạ tầng giao thông và an toàn đường bộ, thúc đẩy phát triển kinh tế địa phương. Ngoài ra, các dự án cảng biển như Tanjung Priok ở Indonesia và Kuantan ở Malaysia đã tăng cường khả năng vận chuyển và

thương mại quốc tế, góp phần cải thiện đáng kể điều kiện kinh tế và hội nhập khu vực. BRI cũng không ngừng mở rộng ảnh hưởng trong lĩnh vực công nghệ thông tin với các dự án của "Con đường tơ lụa kỹ thuật số", thúc đẩy thương mại điện tử và phát triển công nghệ. Đây là những bước tiến vững chắc trong việc hiện thực hóa khát vọng kết nối châu Á với các khu vực khác trên thế giới, thông qua cơ sở hạ tầng hiện đại và công nghệ tiên tiến. BRI còn tạo cơ sở cho sự phát triển trong lĩnh vực năng lượng, với đầu tư mạnh mẽ vào các dự án năng lượng xanh như thủy điện, điện khí, điện mặt trời và gió, đặc biệt là tại Indonesia và Philippines. Về mặt ngoại giao và an ninh, các dự án BRI đã thúc đẩy sự hiện diện chiến lược của Trung Quốc tại Đông Nam Á, củng cố mối quan hệ qua các hoạt động hợp tác kinh tế và văn hóa, đồng thời tăng cường ảnh hưởng chính trị trong khu vực. BRI cũng hướng tới việc xây dựng một mạng lưới quan hệ đa phương, kết nối các nền văn hóa thông qua giáo dục và giao lưu văn hóa, đặc biệt là qua sự thành lập các Học viện Khổng Tử và tổ chức các lễ hội và sự kiện văn hóa.

5- BRI không chỉ giúp thúc đẩy nguồn vốn xây dựng kết cấu hạ tầng trong khu vực, mà còn cải thiện kết nối giao thông và thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các quốc gia ASEAN, cũng như giúp rút ngắn khoảng cách phát triển hạ tầng giữa các nước kém phát triển trong khu vực. Tuy nhiên, mối quan hệ kinh tế gia tăng giữa ASEAN và Trung Quốc qua BRI cũng khiến kinh tế của các nước trong khu vực trở nên phụ thuộc nhiều hơn vào Trung Quốc, đặc biệt là khi xét đến việc Trung Quốc đã trở thành nhà đầu tư lớn tại các quốc gia ASEAN như Lào, Campuchia, và Myanmar. Ngoài ra, mặc dù BRI đã tạo ra khoảng 420,000 việc làm ở các quốc gia dọc theo các tuyến đường và giúp đưa gần 40 triệu người thoát khỏi nghèo, sự phụ

thuộc kinh tế càng tăng cũng dẫn đến khủng hoảng nợ và tăng sự lệ thuộc vào các thỏa thuận song phương với Trung Quốc, bỏ qua các cơ chế của ASEAN. Các dự án BRI đã gây ra những gánh nặng nợ tại một số quốc gia có nền kinh tế non yếu ở Đông Nam Á, dẫn đến việc thế chấp khoáng sản và đất để trả nợ. Sự phụ thuộc này không chỉ dừng lại ở mặt kinh tế mà còn ảnh hưởng đến chính sách đối ngoại của các quốc gia ASEAN, trong đó nhiều quốc gia đã không thể đưa ra lập trường thống nhất về các vấn đề nhạy cảm như tranh chấp Biển Đông. Điều này đã làm suy giảm vai trò trung tâm của ASEAN trong khu vực và gây ra sự phân hóa nội bộ sâu sắc hơn giữa các nước thành viên.

6 - Việt Nam đóng vai trò quan trọng trong BRI, là cầu nối giữa Trung Quốc và các quốc gia Đông Nam Á. Đồng thời, Việt Nam có khả năng kết nối hạ tầng vượt trội và mối quan hệ thương mại sâu rộng, cùng lợi thế từ các hiệp định thương mại tự do (FTA) và vai trò trên trường quốc tế đã tăng cường giá trị của Việt Nam trong quan hệ với BRI. BRI mang lại cơ hội cải thiện kết nối giao thông, thúc đẩy thương mại và tăng cường hiểu biết lẫn nhau giữa Việt Nam và Trung Quốc cũng như với các nước ASEAN.. Tuy nhiên, BRI cũng đặt ra các thách thức về bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, tăng nguy cơ phụ thuộc kinh tế vào Trung Quốc và vấn đề chất lượng các dự án cơ sở hạ tầng. Trước những thách thức này, Việt Nam cần tiếp tục áp dụng chính sách đối ngoại khéo léo, thận trọng, hợp tác trên cơ sở độc lập và toàn vẹn lãnh thổ. Việt Nam cũng cần mở rộng hợp tác đa phương và tận dụng lợi ích từ BRI mà không ảnh hưởng tới an ninh quốc gia. Đồng thời, cần có chiến lược tối ưu hóa lợi ích từ vốn đầu tư và kết nối hạ tầng để củng cố vị thế của Việt Nam như một trung tâm kết nối khu vực và toàn cầu.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Nguyễn Thu Hà (2023), “Belt and Road Initiative and its impact on economy and politics in Southeast Asia”, *ICGD 2023, The International conference on global issue, trends and direction across disciplines*, ISBN: 978-604-73-9869-0, pp. 316 - 330.
2. Nguyễn Thu Hà (2023), “The risks and impact of “debt - trap” in China’s Belt and Road Initiative”, *The International conference on global issue, trends and direction across disciplines*, ISBN: 978-604-73-9869-0, pp. 305 - 315.
3. Nguyễn Thu Hà (2023), “Great power competition in Southeast”, *2023 international graduate research symposium*, ISBN: 978-604-384-167-1, pp. 156- 165.
4. Nguyễn Thu Hà, Nguyễn Thị Thanh Vân (2023), “Key theoretical highlights at the national Congress XX of the communist party of China”, *2023 international graduate research symposium*, ISBN: 978-604-384-167-1, pp. 556 - 586.
5. Nguyễn Thị Thanh Vân - Nguyễn Thu Hà (2022), “Con đường Tơ lụa kỹ thuật số” của Trung Quốc và những tác động đến khu vực Đông Nam Á”, *Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc*, (10), tr.29 - 37.
6. Trần Thọ Quang - Nguyễn Thu Hà (2022), “Hội nghị Trung ương 6 khoá XIX - Dấu mốc quan trọng trong lịch sử Đảng Cộng sản Trung Quốc”, *Tạp chí Cộng sản điện tử*, ngày 16/3/2022.
7. Nguyễn Thu Hà (2023), “Tác động của Sáng kiến “Vành đai, Con đường” đến ASEAN”, *Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc*, (7), tr.46 - 54.
8. Nguyễn Thu Hà (2023), “Sáng kiến “Vành đai, Con đường” của Trung Quốc”: Một thập kỉ nhìn lại”, *Tạp chí Lí luận chính trị*, (549), tr.150 - 155.
9. Nguyễn Thu Hà - Đoàn Thị Mai Liên (2023), “Một số vấn đề nổi bật của cục diện thế giới hiện nay”, *Tạp chí Lí luận Chính trị*, (9), tr.151 - 157.
10. Nguyễn Thị Thanh Vân - Nguyễn Thu Hà (2023), “Một số vấn đề lí luận được nhấn mạnh tại Đại hội XX của Đảng Cộng sản Trung Quốc”, *Tạp chí Chính trị và phát triển*, (03), tr.81 - 85.
11. Nguyễn Thu Hà (2024), “Một số điểm nhấn nổi bật của Diễn đàn “Vành đai, Con đường” lần thứ ba và kết quả tham gia của Việt Nam”, *Tạp chí Chính trị và phát triển*, (01), tr.89 - 94.
12. Nguyễn Thị Thanh Vân - Nguyễn Thu Hà (2024), “Nội dung cơ bản và mục tiêu chiến lược của Trung Quốc trong Sáng kiến an ninh toàn cầu”, *Tạp chí Sinh hoạt lý luận chính trị*, (05), tr.97-100.